

Số: 42 /2019/QĐ-UBND

Long An, ngày 07 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mô mã trên địa bàn tỉnh Long An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09/4/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3540/TTr-SXD ngày 24/9/2019.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mô mã trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1:

“1. Đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mô mã ban hành kèm theo quyết định này được áp dụng trong việc bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, tính lệ phí trước bạ và cho các trường hợp khác có sử dụng đơn giá này trên địa bàn tỉnh Long An.

Riêng:

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là giá bán thực tế ghi trên hóa đơn bán nhà theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mua theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng.”

2. Sửa đổi, bổ sung Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mô mã trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh như sau:

A. NHÀ Ở:

I. NHÀ KIẾN CỐ:

STT	KẾT CẤU NHÀ	ĐVT	ĐƠN GIÁ THEO QĐ SỐ 17/2019/QĐ-UBND	ĐƠN GIÁ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
4	Nhà ở từ 4 – 5 tầng			
4.1	Nhà liên kế			
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại không có tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD	5.482.000	5.482.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD	5.176.000	5.176.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD	5.952.000	5.952.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng nửa hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.475.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.341.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.585.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.715.000

STT	KẾT CẤU NHÀ	ĐVT	ĐƠN GIÁ THEO QĐ SỐ 17/2019/QĐ-UBND	ĐƠN GIÁ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.480.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.870.000
<b>4.2</b>	<b>Nhà riêng lẻ</b>			
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, loại không có tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD	5.891.000	5.891.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD	6.191.000	6.191.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD	6.433.000	6.433.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng nửa hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.712.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.589.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.885.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.985.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.752.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.015.000
<b>5</b>	<b>Nhà ở từ 6 – 8 tầng</b>			
<b>5.1</b>	<b>Nhà liên kế</b>			
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, loại không có tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.591.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.395.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		6.985.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng nửa hầm			

STT	KẾT CẤU NHÀ	ĐVT	ĐƠN GIÁ THEO QĐ SỐ 17/2019/QĐ-UBND	ĐƠN GIÁ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.856.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.568.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.266.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.465.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.255.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.652.000
<b>5.2</b>	<b>Nhà riêng lẻ</b>			
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại không có tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.702.400
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.348.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.903.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng nửa hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.985.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		7.658.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.495.000
	- Kết cấu: Móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gồ gỗ hoặc thép, loại có 01 tầng hầm			
	+ Mái ngói (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.725.000
	+ Mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần)	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.455.000
	+ Mái BTCT	đồng/m <sup>2</sup> XD		8.975.000

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp:**

1. Các phương án giá nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mốp má đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đã được công bố trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quyết định này.

2. Hồ sơ tính lệ phí trước bạ đối với nhà đã qua sử dụng đã tiếp nhận trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh.

**Điều 3. Giao Sở Xây dựng tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/10/2019.

**Điều 4. Chánh Văn phòng ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- TTPVHCC (công Thông tin điện tử tỉnh);
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, SXD, An. (240)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cần**